TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Tố Nga
2/ Ông Nguyễn Văn Thạch
- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2017 "Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Hồng T**,** sinh năm 1993 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Đội 4, thôn G, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi
Chỗ ở hiện nay: Đội 3, xóm L, thôn 4, xã Bình H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh S**,** sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đội 4, thôn G, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện B, chị Đỗ Thị Hồng T (Nguyên đơn) trình bày:

Chị T và anh Phạn Thanh S tìm hiểu, yêu thương và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 5 năm 2013 tại UBND xã Bình T, huyện B. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị sống với cha mẹ chị T tại xã Bình Hòa. Trong quá trình sống chung kể từ ngày cưới đến 01/2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn với lý do anh S thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới và dùng những lời lẽ xúc phạm chị T, anh không có trách nhiệm với gia đình, vợ

chồng thường xuyên cải vả nhau và từ tháng 3/2016 anh S về sống với mẹ anh tại xã Bình T cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để ổn định cuộc sống cho đôi bên.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Đỗ Thanh H, sinh ngày 08/5/2014, hiện nay con đang ở với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm./.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện B, anh Phạm Thanh S (Bị đơn) trình bày:

Anh S thống nhất về thời gian và địa điểm kết hôn như chị T đã trình bày. Về mâu thuẫn gia đình thì do thời gian anh thất nghiệp nên có uống rượu, vợ chồng có nói qua nói lại rồi vợ đuổi anh ra khỏi nhà từ tháng 3/2016 anh phải về nhà mẹ đẻ anh ở cho đến nay. Sau đó anh cũng có xuống thăm con rồi về chứ chị T không cho anh ở lại. Thời gian sống ly thân cũng đã lâu nhưng chị T không muốn đoàn tụ với anh mà yêu cầu ly hôn. Theo bản thân anh thì anh không muốn ly hôn, còn nếu chị T cương quyết thì anh suy nghĩ lại.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Đỗ Thanh H, sinh ngày 08/5/2014. Nếu ly hôn anh đồng ý để con cho chị T nuôi, tại bản tự khai ngày 12/7/2017 anh trình bày nếu ly hôn anh cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất như chị T đã trình bày.

Ngoài ra anh không trình bày gì thêm./.

Ý kiến của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Đỗ Thị Hồng T được ly hôn anh Phạm Thanh S.

Về quan hệ con chung: Xét thấy cháu H còn nhỏ, hiện đang ở với chị T, điều kiện nuôi con chị T cũng đảm bảo nên cần giao cháu Phạm Đỗ Thanh H, sinh ngày 08/5/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hồng T thì Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 "về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng T và anh Phạm Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/5/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng theo lời trình bày của chị T và anh S cho thấy mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc anh S có uống rượu làm chị T không hài lòng trong cuộc sống nên vợ chồng có lời qua tiếng lại và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay, bản thân anh S cũng thừa nhận không có cách nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Mặc dù anh S không muốn ly hôn nhưng hai lần Tòa triệu anh để tiến hành thủ tục hòa giải để Tòa động viên vợ chồng anh, chị đoàn tụ và cùng có trách nhiệm với con cái nhưng anh đều vắng mặt. Do đó, xét thấy anh không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T, bản thân anh cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng của chị T đối với anh không còn nhưng anh không chủ động trong việc bảo vệ hạnh phúc gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng như về tình nghĩa vợ chồng, về nghĩa vụ vợ chồng sống chung với nhau trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân của chị T và anh S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận cho chị Đỗ Thị Hồng T được ly hôn anh Phạm Thanh Sang.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị T và anh S có một con chung là Phạm Đỗ Thanh H, sinh ngày 08/5/2014. Qua chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cho thấy chị T hiện nay làm nông tại địa phương, chị có điều kiện đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi con, hiện nay cháu H đang ở với chị và cháu phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần nên cần tiếp tục giao cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T và anh S thống nhất là không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn).

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng Điều 28, 35, 147, 235, 241, 264 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Đỗ Thị Hồng T được ly hôn anh Phạm Thanh S.

2/ Về quan hệ con chung: Giữa chị T và anh S có một con chung là Phạm Đỗ Thanh H, sinh ngày 08/5/2014.

Giao cháu Phạm Đỗ Thanh H, sinh ngày 08/5/2014 cho chị Đỗ Thị Hồng T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Phạm Thanh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Đỗ Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002280 ngày 11/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Bình T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Phong